

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 5)

(Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025)

(Đính kèm Quyết định số: 2018/QĐ-SGDĐT ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1.000 đồng																	
STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TN TT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND, TÍNH GIẢN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
TỔNG CỘNG								-	-	(8.563.201)	(9.041.928)	478.727	8.563.201	9.041.928	(1.048.057)	569.330	
1	1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Quản lý nhà nước)	422	340	341		-	-	-			-		(234.204)	234.204	
		1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098		(17.450.947)	(17.450.947)	-			(17.450.947)	(17.450.947)			
		1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục) (Nguồn CCTL NSTP)	422	070	098		(2.883.967)	(2.883.967)	-			(2.883.967)		(2.883.967)		
		KHU VỰC 1						33.294.369	33.294.369	6.117.000	6.900.000	(783.000)	27.177.369	27.177.369	-	-	
2	1	3034214	Trung tâm Thông tin và Chương trình giáo dục	422	070	098		-	-	-	-	-	-	-			
3	2	1042363	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	422	070	071		100.357	100.357	-	-	-	100.357	100.357			
4	3	1006377	Trường Mầm non Thành phố	422	070	071		130.486	130.486	-	-	-	130.486	130.486			
5	4	1032812	Trường Mầm non Nam Sài Gòn	422	070	071		-	-	-	-	-	-	-			
6	5	1006382	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật	422	070	071		29.000	29.000	-	-	-	29.000	29.000			
7	6	1042683	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	422	070	072		23.000	23.000	-	-	-	23.000	23.000			
8	7	1015952	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Bình Chánh	422	070	072		28.000	28.000	-	-	-	28.000	28.000			
9	8	1086114	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	422	070	072		72.000	72.000	-	-	-	72.000	72.000			
10	9	1006376	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	422	070	075		25.406	25.406	-	-	-	25.406	25.406			
11	10	1052360	Trung tâm GDTX Chu Văn An	422	070	075		(36.200)	(36.200)	-	-	-	(36.200)	(36.200)			
12	11	1036941	Trung tâm GDTX Tiếng Hoa	422	070	075		(10.400)	(10.400)	-	-	-	(10.400)	(10.400)			
13	12	1076866	Trung tâm GD KTTH và HN Lê Thị Hồng Gấm	422	070	075		193.069	193.069	-	-	-	193.069	193.069			
14	13	1035658	Trung tâm GDTX Gia Định	422	070	075		-	-	-	-	-	-	-			
15	14	1072912	Trường THPT Bùi Thị Xuân	422	070	074		(125.576)	(125.576)	-	-	-	(125.576)	(125.576)			
16	15	1061105	Trường THPT Trưng Vương	422	070	074		612.457	612.457	-	-	-	612.457	612.457			
17	16	1060634	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	422	070	074		4.624.000	4.624.000	4.433.000	4.919.000	(486.000)	191.000	191.000			
18	17	1133410	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	422	070	074		1.991.000	1.991.000	1.684.000	1.981.000	(297.000)	307.000	307.000			
19	18	1069844	Trường THPT Ten Lơ Man	422	070	074		925.265	925.265	-	-	-	925.265	925.265			
20	19	1086001	Trường THPT Lương Thế Vinh	422	070	074		633.593	633.593	-	-	-	633.593	633.593			
21	20	1069843	Trường THPT Giồng Ông Tố	422	070	074		477.866	477.866	-	-	-	477.866	477.866			
22	21	1003700	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074		83.686	83.686	-	-	-	83.686	83.686			
23	22	1003702	Trường THPT Lê Quý Đôn	422	070	074		101.000	101.000	-	-	-	101.000	101.000			
24	23	1039166	Trường THPT Marie Curie	422	070	074		756.529	756.529	-	-	-	756.529	756.529			
25	24	1008124	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	422	070	074		15.798	15.798	-	-	-	15.798	15.798			

STT		Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI CNTT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND, TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THUỐNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
							Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A		B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
26	25	1046716	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	422	070	074			222.813	222.813	-	-	-	222.813	222.813			
27	26	1060559	Trường THPT Nguyễn Trãi	422	070	074			(202.707)	(202.707)	-	-	-	(202.707)	(202.707)			
28	27	1076001	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	422	070	074			94.753	94.753	-	-	-	94.753	94.753			
29	28	1042857	Trường THPT Hùng Vương	422	070	074			(91.279)	(91.279)	-	-	-	(91.279)	(91.279)			
30	29	1071559	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	422	070	074			418.048	418.048	-	-	-	418.048	418.048			
31	30	1068661	Trường THPT Trần Khai Nguyên	422	070	074			324.862	324.862	-	-	-	324.862	324.862			
32	31	1010342	Trường THPT Trần Hữu Trang	422	070	074			31.283	31.283	-	-	-	31.283	31.283			
33	32	1058084	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	422	070	074			192.262	192.262	-	-	-	192.262	192.262			
34	33	1060635	Trường THPT Bình Phú	422	070	074			510.878	510.878	-	-	-	510.878	510.878			
35	34	1109454	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	422	070	074			442.858	442.858	-	-	-	442.858	442.858			
36	35	1125719	Trường THPT Phạm Phú Thứ	422	070	074			342.523	342.523	-	-	-	342.523	342.523			
37	36	1040081	Trường THPT Lê Thánh Tôn	422	070	074			314.228	314.228	-	-	-	314.228	314.228			
38	37	1001956	Trường THPT Ngô Quyền	422	070	074			251.416	251.416	-	-	-	251.416	251.416			
39	38	1038773	Trường THPT Tân Phong	422	070	074			184.006	184.006	-	-	-	184.006	184.006			
40	39	1060564	Trường THPT Lương Văn Can	422	070	074			234.299	234.299	-	-	-	234.299	234.299			
41	40	1040014	Trường THPT Ngô Gia Tự	422	070	074			230.035	230.035	-	-	-	230.035	230.035			
42	41	1037221	Trường THPT Tạ Quang Bửu	422	070	074			307.651	307.651	-	-	-	307.651	307.651			
43	42	1076008	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Nguyễn Thị Định	422	070	074			195.410	195.410	-	-	-	195.410	195.410			
44	43	1105244	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	422	070	074			267.670	267.670	-	-	-	267.670	267.670			
45	44	1122500	Trường THPT Võ Văn Kiệt	422	070	074			203.298	203.298	-	-	-	203.298	203.298			
46	45	1040223	Trường THPT Nguyễn Huệ	422	070	074			109.306	109.306	-	-	-	109.306	109.306			
47	46	1040247	Trường THPT Phước Long	422	070	074			257.289	257.289	-	-	-	257.289	257.289			
48	47	1043924	Trường THPT Long Trường	422	070	074			185.378	185.378	-	-	-	185.378	185.378			
49	48	1110143	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	422	070	074			230.793	230.793	-	-	-	230.793	230.793			
50	49	1016211	Trường THPT Nguyễn Du	422	070	074			133.000	133.000	-	-	-	133.000	133.000			
51	50	1040082	Trường THPT Nguyễn An Ninh	422	070	074			247.402	247.402	-	-	-	247.402	247.402			
52	51	1058491	Trường THPT Nguyễn Khuyến	422	070	074			52.476	52.476	-	-	-	52.476	52.476			
53	52	1049798	Trường THCS - THPT Diên Hồng	422	070	074			318.394	318.394	-	-	-	318.394	318.394			
54	53	1045805	Trường THCS - THPT Sương Nguyệt Anh	422	070	074			162.002	162.002	-	-	-	162.002	162.002			
55	54	1040251	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	422	070	074			213.432	213.432	-	-	-	213.432	213.432			
56	55	1060858	Trường THPT Nguyễn Hiền	422	070	074			109.810	109.810	-	-	-	109.810	109.810			
57	56	1086050	Trường THPT Trần Quang Khải	422	070	074			569.858	569.858	-	-	-	569.858	569.858			
58	57	1003701	Trường THPT Võ Trường Toản	422	070	074			188.850	188.850	-	-	-	188.850	188.850			
59	58	1042858	Trường THPT Thạnh Lộc	422	070	074			908.540	908.540	-	-	-	908.540	908.540			
60	59	1038766	Trường THPT Trường Chinh	422	070	074			569.067	569.067	-	-	-	569.067	569.067			
61	60	1008063	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	422	070	074			158.000	158.000	-	-	-	158.000	158.000			
62	61	1060778	Trường THPT Tân Bình	422	070	074			202.370	202.370	-	-	-	202.370	202.370			
63	62	1046613	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	422	070	074			257.249	257.249	-	-	-	257.249	257.249			

STT		Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI CNTT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND, TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THUỐNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
							Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A		B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
64	63	1068660	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	422	070	074			443.560	443.560	-	-	-	443.560	443.560			
65	64	1042466	Trường THPT Trần Phú	422	070	074			517.808	517.808	-	-	-	517.808	517.808			
66	65	1032621	Trường THPT Tây Thanh	422	070	074			458.877	458.877	-	-	-	458.877	458.877			
67	66	1125808	Trường THPT Lê Trọng Tấn	422	070	074			190.388	190.388	-	-	-	190.388	190.388			
68	67	1039169	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	422	070	074			400.363	400.363	-	-	-	400.363	400.363			
69	68	1042552	Trường THPT Thanh Đa	422	070	074			498.886	498.886	-	-	-	498.886	498.886			
70	69	1039987	Trường THPT Gia Định	422	070	074			95.090	95.090	-	-	-	95.090	95.090			
71	70	1060563	Trường THPT Phan Đăng Lưu	422	070	074			246.658	246.658	-	-	-	246.658	246.658			
72	71	1073003	Trường THPT Võ Thị Sáu	422	070	074			38.486	38.486	-	-	-	38.486	38.486			
73	72	1114361	Trường THPT Trần Văn Giàu	422	070	074			296.657	296.657	-	-	-	296.657	296.657			
74	73	1052865	Trường THPT Phú Nhuận	422	070	074			541.035	541.035	-	-	-	541.035	541.035			
75	74	1046742	Trường THPT Hàn Thuyên	422	070	074			392.334	392.334	-	-	-	392.334	392.334			
76	75	1046616	Trường THPT Nguyễn Trung Trục	422	070	074			391.694	391.694	-	-	-	391.694	391.694			
77	76	1069842	Trường THPT Gò Vấp	422	070	074			302.225	302.225	-	-	-	302.225	302.225			
78	77	1040248	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	422	070	074			341.076	341.076	-	-	-	341.076	341.076			
79	78	1037383	Trường THPT Trần Hưng Đạo	422	070	074			349.817	349.817	-	-	-	349.817	349.817			
80	79	1058082	Trường THPT Tam Phú	422	070	074			229.304	229.304	-	-	-	229.304	229.304			
81	80	1014981	Trường THPT Thủ Đức	422	070	074			116.177	116.177	-	-	-	116.177	116.177			
82	81	1046744	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	422	070	074			222.218	222.218	-	-	-	222.218	222.218			
83	82	1037384	Trường THPT Hiệp Bình	422	070	074			(85.902)	(85.902)	-	-	-	(85.902)	(85.902)			
84	83	1118192	Trường THPT Đào Sơn Tây	422	070	074			267.787	267.787	-	-	-	267.787	267.787			
85	84	1127196	Trường THPT Linh Trung	422	070	074			156.256	156.256	-	-	-	156.256	156.256			
86	85	1046743	Trường THPT An Nhơn Tây	422	070	074			250.110	250.110	-	-	-	250.110	250.110			
87	86	1073929	Trường THPT Củ Chi	422	070	074			291.648	291.648	-	-	-	291.648	291.648			
88	87	1042554	Trường THPT Quang Trung	422	070	074			175.822	175.822	-	-	-	175.822	175.822			
89	88	1042734	Trường THPT Trung Phú	422	070	074			44.853	44.853	-	-	-	44.853	44.853			
90	89	1037222	Trường THPT Trung Lập	422	070	074			76.609	76.609	-	-	-	76.609	76.609			
91	90	1038764	Trường THPT Phú Hòa	422	070	074			58.316	58.316	-	-	-	58.316	58.316			
92	91	1038540	Trường THPT Tân Thông Hội	422	070	074			450.940	450.940	-	-	-	450.940	450.940			
93	92	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074			108.054	108.054	-	-	-	108.054	108.054			
94	93	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074			(29.633)	(29.633)	-	-	-	(29.633)	(29.633)			
95	94	1046615	Trường THPT Bà Điểm	422	070	074			334.490	334.490	-	-	-	334.490	334.490			
96	95	1076003	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiển	422	070	074			297.241	297.241	-	-	-	297.241	297.241			
97	96	1043921	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	422	070	074			131.616	131.616	-	-	-	131.616	131.616			
98	97	1114460	Trường THPT Phạm Văn Sáng	422	070	074			517.631	517.631	-	-	-	517.631	517.631			
99	98	1058527	Trường THPT An Lạc	422	070	074			408.348	408.348	-	-	-	408.348	408.348			
100	99	1086051	Trường THPT Vĩnh Lộc	422	070	074			472.826	472.826	-	-	-	472.826	472.826			
101	100	1110106	Trường THPT Bình Tân	422	070	074			279.986	279.986	-	-	-	279.986	279.986			

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI CNTT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND, TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THUỞNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
102	101	1110153	Trường THPT Bình Hưng Hòa	422	070	074		158.966	158.966	-	-	-	158.966	158.966			
103	102	1105299	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	422	070	074		336.842	336.842	-	-	-	336.842	336.842			
104	103	1058492	Trường THPT Bình Chánh	422	070	074		(71.799)	(71.799)	-	-	-	(71.799)	(71.799)			
105	104	1061104	Trường THPT Đa Phước	422	070	074		54.800	54.800	-	-	-	54.800	54.800			
106	105	1039986	Trường THPT Lê Minh Xuân	422	070	074		276.791	276.791	-	-	-	276.791	276.791			
107	106	1118191	Trường THPT Tân Túc	422	070	074		136.580	136.580	-	-	-	136.580	136.580			
108	107	1120603	Trường THPT Vĩnh Lộc B	422	070	074		267.267	267.267	-	-	-	267.267	267.267			
109	108	1125803	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Bình Chánh	422	070	074		81.518	81.518	-	-	-	81.518	81.518			
110	109	1050023	Trường THPT Long Thới	422	070	074		107.419	107.419	-	-	-	107.419	107.419			
111	110	1104505	Trường THPT Phước Kiển	422	070	074		232.823	232.823	-	-	-	232.823	232.823			
112	111	1120604	Trường THPT Dương Văn Dương	422	070	074		281.404	281.404	-	-	-	281.404	281.404			
113	112	1035494	Trường THPT Bình Khánh	422	070	074		204.916	204.916	-	-	-	204.916	204.916			
114	113	1035432	Trường THPT Cần Thạnh	422	070	074		67.972	67.972	-	-	-	67.972	67.972			
115	114	1104035	Trường THPT An Nghĩa	422	070	074		341.396	341.396	-	-	-	341.396	341.396			
116	115	1127428	Trường THCS - THPT Thạnh An	422	070	074		35.611	35.611	-	-	-	35.611	35.611			
117	116	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bi	422	070	074		218.589	218.589	-	-	-	218.589	218.589			
118	117	1129141	Trường THPT Dương Văn Thì	422	070	074		91.975	91.975	-	-	-	91.975	91.975			
119	118	1129109	Trường THPT Phong Phú	422	070	074		(22.514)	(22.514)	-	-	-	(22.514)	(22.514)			
120	119	1129198	Trường THPT Bình Chiểu	422	070	074		116.990	116.990	-	-	-	116.990	116.990			
121	120	1035599	Trường THPT năng khiếu Thể dục Thể thao	422	070	074		99.313	99.313	-	-	-	99.313	99.313			
122	121	1154372	Trường THPT Hoàng Thế Thiện	422	070	074		-	-	-	-	-	-	-			
123	122	1080927	Trường THPT Nam Sài Gòn	422	070	074		-	-	-	-	-	-	-			
124	123	1052356	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	422	070	092		-	-	-	-	-	-	-			
125	124	1038348	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	422	070	092		-	-	-	-	-	-	-			
126	125	1117015	Trường Trung cấp Bách Nghệ TP.Hồ Chí Minh	422	070	092		-	-	-	-	-	-	-			
127	126	1076765	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật TP.HCM	422	070	093		-	-	-	-	-	-	-			
128	127	1006384	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	422	070	093		-	-	-	-	-	-	-			
129	128	1076864	Trường Cao đẳng Kinh tế TP.HCM	422	070	093		-	-	-	-	-	-	-			
130	129	1058083	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	422	070	093		-	-	-	-	-	-	-			
131	130	1092293	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	422	070	093		-	-	-	-	-	-	-			
132	131	1046476	Trường Cao đẳng Nghề TP.HCM	422	070	093		-	-	-	-	-	-	-			
		KHU VỰC 2						6.278.636	6.278.636	3.752.123	2.490.396	1.261.727	2.526.513	121.273	2.070.114	335.126	
133	1	1129237	Trung tâm GDTX và BDNV Bình Dương	422	070	075		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
134	2	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074		188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-	55.598	7.413	
135	3	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074		466.830	466.830	403.819	358.351	45.468	63.011	-	55.598	7.413	
136	4	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
137	5	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074		188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-	55.598	7.413	
138	6	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074		211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-	62.548	8.340	

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI CNTT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND, TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THUỞNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
139	7	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074		211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-	62.548	8.340	
140	8	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074		141.137	141.137	93.878	59.777	34.101	47.259	-	41.699	5.560	
141	9	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074		211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-	62.548	8.340	
142	10	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074		211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-	62.548	8.340	
143	11	1085127	Trường THPT Trần Văn Ôn	422	070	074		188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-	55.598	7.413	
144	12	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074		205.634	205.634	125.171	79.703	45.468	80.463	-	73.050	7.413	
145	13	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
146	14	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074		117.613	117.613	78.231	49.814	28.417	39.382	-	34.749	4.633	
147	15	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
148	16	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
149	17	1084062	Trường THPT Dĩ An	422	070	074		188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-	55.598	7.413	
150	18	1084063	Trường THPT Bình An	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
151	19	1130393	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Bình Dương	422	070	074		346.528	346.528	125.171	79.703	45.468	221.357	-	213.944	7.413	
152	20	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
153	21	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074		70.567	70.567	46.938	29.888	17.050	23.629	-	20.849	2.780	
154	22	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074		141.137	141.137	93.878	59.777	34.101	47.259	-	41.699	5.560	
155	23	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
156	24	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074		222.567	222.567	46.938	29.888	17.050	175.629	-	172.849	2.780	
157	25	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
158	26	1128990	Trường THCS và THPT Minh Hòa	422	070	074		222.659	222.659	109.524	69.740	39.784	113.135	-	106.649	6.486	
159	27	1085120	Trường THPT Dầu Tiếng	422	070	074		173.137	173.137	93.878	59.777	34.101	79.259	-	73.699	5.560	
160	28	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074		191.840	191.840	46.938	29.888	17.050	144.902	121.273	20.849	2.780	
161	29	1015604	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	422	070	074		223.506	223.506	62.585	39.851	22.734	160.921	-	27.799	133.122	
162	30	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074		94.091	94.091	62.585	39.851	22.734	31.506	-	27.799	3.707	
163	31	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074		164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-	48.649	6.486	
164	32	1135937	Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	422	070	092		70.567	70.567	46.938	29.888	17.050	23.629	-	20.849	2.780	
165	33	1135938	Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp	422	070	092		203.552	203.552	62.585	39.851	22.734	140.967	-	137.260	3.707	
166	34	1115619	Trường Trung cấp Mỹ Thuật - Văn hóa Bình Dương	422	070	092		141.137	141.137	93.878	59.777	34.101	47.259	-	41.699	5.560	
		KHU VỰC 3						(19.238.091)	(19.238.091)	(18.432.324)	(18.432.324)	-	(805.767)	(805.767)	-	-	
167	1	1014283	Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm Thị Hữu Nghị	422	070	072		(440.753)	(440.753)	(440.753)	(440.753)		-	-			
168	2	1014287	Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bà Rịa	422	070	072		(134.199)	(134.199)	(134.199)	(134.199)		-	-			
169	3	1080598	Trường Phổ thông DTNT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074		(572.467)	(572.467)	(572.467)	(572.467)		-	-			
170	4	1015959	Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	422	070	074		(468.636)	(468.636)	(468.636)	(468.636)		-	-			
171	5	1014282	Trường THPT Vũng Tàu	422	070	074		(1.341.071)	(1.341.071)	(678.974)	(678.974)		(662.097)	(662.097)			
172	6	1015809	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	422	070	074		(1.243.563)	(1.243.563)	(1.242.933)	(1.242.933)		(630)	(630)			
173	7	1015958	Trường THPT Trần Nguyên Hân	422	070	074		(1.404.167)	(1.404.167)	(1.404.167)	(1.404.167)		-	-			
174	8	1064445	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(1.256.404)	(1.256.404)	(1.255.324)	(1.255.324)		(1.080)	(1.080)			
175	9	1130341	Trường THPT Nguyễn Khuyến - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(216.108)	(216.108)	(216.108)	(216.108)		-	-			

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI CNTT THEO NQ 27/2025/NQ-HĐND, TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12
176	10	1015810	Trường THPT Châu Thành	422	070	074		(804.933)	(804.933)	(804.933)	(804.933)		-	-			
177	11	1087509	Trường THPT Bà Rịa	422	070	074		(303.421)	(303.421)	(299.821)	(299.821)		(3.600)	(3.600)			
178	12	1017526	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	422	070	074		(1.139.557)	(1.139.557)	(1.139.557)	(1.139.557)		-	-			
179	13	1015802	Trường THPT Trần Văn Quan	422	070	074		(457)	(457)	(457)	(457)		-	-			
180	14	1087510	Trường THPT Trần Quang Khải- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(209.461)	(209.461)	(203.461)	(203.461)		(6.000)	(6.000)			
181	15	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074		(725.102)	(725.102)	(724.382)	(724.382)		(720)	(720)			
182	16	1087508	Trường THPT Long Hải - Phước Tỉnh	422	070	074		(550.353)	(550.353)	(550.353)	(550.353)		-	-			
183	17	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422	070	074		(297.126)	(297.126)	(295.686)	(295.686)		(1.440)	(1.440)			
184	18	1087511	Trường THPT Dương Bạch Mai	422	070	074		(86.629)	(86.629)	(86.629)	(86.629)		-	-			
185	19	1015807	Trường THPT Phú Mỹ	422	070	074		(644.809)	(644.809)	(641.209)	(641.209)		(3.600)	(3.600)			
186	20	1080497	Trường THPT Nguyễn Du- Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(665.894)	(665.894)	(665.894)	(665.894)		-	-			
187	21	1080597	Trường THPT Nguyễn Trãi Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(436.646)	(436.646)	(431.966)	(431.966)		(4.680)	(4.680)			
188	22	1044107	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ - Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(782.308)	(782.308)	(782.308)	(782.308)		-	-			
189	23	1004460	Trường THPT Trần Phú -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(308.614)	(308.614)	(308.614)	(308.614)		-	-			
190	24	1015808	Trường THPT Ngô Quyền -Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	074		(193.418)	(193.418)	(193.418)	(193.418)		-	-			
191	25	1080602	Trường THPT Trần Hưng Đạo-Bà Rịa-Vũng Tàu	422	070	074		(1.129.260)	(1.129.260)	(1.129.260)	(1.129.260)		-	-			
192	26	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074		(591.640)	(591.640)	(591.640)	(591.640)		-	-			
193	27	1104499	Trường THPT Bưng Riềng	422	070	074		(92.327)	(92.327)	(92.327)	(92.327)		-	-			
194	28	1015804	Trường THPT Xuyên Mộc	422	070	074		(767.564)	(767.564)	(767.204)	(767.204)		(360)	(360)			
195	29	1015956	Trường THPT Hòa Bình	422	070	074		(115.800)	(115.800)	-	-		(115.800)	(115.800)			
196	30	1004457	Trường THPT Hòa Hội	422	070	074		(193.969)	(193.969)	(193.969)	(193.969)		-	-			
197	31	1017519	Trường THPT Phước Bửu	422	070	074		(46.013)	(46.013)	(46.013)	(46.013)		-	-			
198	32	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075		(539.446)	(539.446)	(539.446)	(539.446)		-	-			
199	33	1021428	Trung tâm GDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	422	070	075		(219.656)	(219.656)	(219.656)	(219.656)		-	-			
200	34	1007326	Trung tâm GDTX Phú Mỹ	422	070	075		(264.542)	(264.542)	(260.222)	(260.222)		(4.320)	(4.320)			
201	35	1007327	Trung tâm GDTX Long Điền- Đất Đỏ	422	070	075		(379.285)	(379.285)	(377.845)	(377.845)		(1.440)	(1.440)			
202	36	1002758	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Châu Đức	422	070	075		(352.442)	(352.442)	(352.442)	(352.442)		-	-			
203	37	1052914	Trung tâm GDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc	422	070	075		(320.051)	(320.051)	(320.051)	(320.051)		-	-			

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH